

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Trúc M, sinh năm 1992 (Vắng mặt, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16 tháng 01 năm 2026).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Minh H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18 tháng 12 năm 2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc M trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, chị và anh Phạm Minh H tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy

ra cự cãi, không thể điều hòa được, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh H sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh H có với nhau 01 người con chung tên Phạm Trần Gia H1, sinh ngày 03/5/2017 hiện anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 theo nguyện vọng của con. Chị tự nguyện rút lại yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu H1 hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh H trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nay anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

+ Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị M.

+ Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh đồng ý giao cháu H1 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Đối với việc chị M rút lại yêu cầu cấp dưỡng cho con, anh không có ý kiến.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và phạm vi xét xử: Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 188, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M rút lại yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu H1 hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng là tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[2.2] Ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt chị M theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị M trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của anh H trong quá trình xét xử là đã thật sự tự nguyện ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh H.

[2] Về con chung và nuôi con: Xét cháu H1 đã trên 08 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị M, được anh H đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu H1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu H1 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, chấp nhận ý kiến đề nghị của anh H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị M phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc M và anh Phạm Minh H.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phạm Trần Gia H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2017 cho chị Trần Thị Trúc M được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu anh Phạm Minh H cấp dưỡng cho cháu Phạm Trần Gia H1.

2.3. Anh Phạm Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Trúc M phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009515 ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Trần Thị Trúc M, có mặt anh Phạm Minh H. Báo cho anh H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị M vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long (Qua Phòng THADS khu vực 2 - Vĩnh Long): 01;
- UBND xã C: 01;
- ND + BD: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân